

**PHẦN 6: TIỀN HÓA**

**CHƯƠNG I: BẰNG CHỨNG VÀ CƠ CHẾ TIỀN HÓA.**

- Các bằng chứng tiến hóa.
- Học thuyết Lamac.
- Học thuyết tiến hóa hiện đại.
- Loài và quá trình hình thành loài.

**CHƯƠNG II: SỰ PHÁT SINH VÀ PHÁT TRIỂN SỰ SỐNG TRÊN TRÁI ĐẤT**

- Nguồn gốc sự sống và sự phát triển của sinh giới qua các đại địa chất.
- Sự phát sinh loài người.

**BÀI TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1.** Cơ quan tương đồng là những cơ quan

A. có nguồn gốc khác nhau nhưng đảm nhiệm những chức phận giống nhau, có hình thái tương tự.

B. cùng nguồn gốc, nằm ở những vị trí tương ứng trên cơ thể, có thể thực hiện các chức năng khác nhau.

C. cùng nguồn gốc, đảm nhiệm những chức phận giống nhau.

D. có nguồn gốc khác nhau, nằm ở những vị trí tương ứng trên cơ thể, có kiểu cấu tạo giống nhau.

**Câu 2.** Cơ quan tương tự là những cơ quan

A. có nguồn gốc khác nhau nhưng đảm nhiệm những chức phận giống nhau, có hình thái tương tự.

B. cùng nguồn gốc, nằm ở những vị trí tương ứng trên cơ thể, có kiểu cấu tạo giống nhau.

C. cùng nguồn gốc, đảm nhiệm những chức phận giống nhau.

D. có nguồn gốc khác nhau, nằm ở những vị trí tương ứng trên cơ thể, có kiểu cấu tạo giống nhau.

**Câu 3.** Trong tiến hoá các cơ quan tương đồng có ý nghĩa phản ánh

A. sự tiến hoá phân li. B. sự tiến hoá đồng quy. C. sự tiến hoá song hành. D. phản ánh nguồn gốc chung.

**Câu 4.** Trong tiến hoá các cơ quan tương tự có ý nghĩa phản ánh

A. sự tiến hoá phân li. B. sự tiến hoá đồng quy. C. sự tiến hoá song hành. D. nguồn gốc chung.

**Câu 5.** Đặc điểm nào trong quá trình phát triển phôi chứng tỏ các loài sống trên cạn hiện nay đều có chung nguồn gốc từ các loài sống ở môi trường nước?

A. Tim có 2 ngăn sau đó phát triển thành 4 ngăn. B. Phôi đều trải qua giai đoạn có khe mang.

C. Bộ não thành 5 phần như não cá.

D. Phôi đều trải qua giai đoạn có dây sống.

**Câu 6.**Theo Đacuyn, cơ chế tiến hoá là sự tích lũy các

- A. biến dị có lợi, đào thải các biến dị có hại dưới tác dụng của chọn lọc tự nhiên.
- B. đặc tính thu được trong đời sống cá thể dưới tác dụng của chọn lọc tự nhiên.
- C. đặc tính thu được trong đời sống cá thể dưới tác dụng của ngoại cảnh.
- D. đặc tính thu được trong đời sống cá thể dưới tác dụng của ngoại cảnh hay tập quán hoạt động.

**Câu 7.**Theo Đacuyn, loài mới được hình thành từ từ qua nhiều dạng trung gian

- A. và không có loài nào bị đào thải.
- B. dưới tác dụng của môi trường sống.
- C. dưới tác dụng của chọn lọc tự nhiên theo con đường phân ly tính trạng từ một nguồn gốc chung.
- D. dưới tác dụng của các nhân tố tiến hoá.

**Câu 8.**Theo Đacuyn, sự hình thành nhiều giống vật nuôi, cây trồng trong mỗi loài xuất phát từ một hoặc vài dạng tổ tiên hoang dại là kết quả của quá trình

- A. phân li tính trạng trong chọn lọc nhân tạo.
- B. phân li tính trạng trong chọn lọc tự nhiên.
- C. tích lũy những biến dị có lợi, đào thải những biến dị có hại đối với sinh vật.
- D. phát sinh các biến dị cá thể.

**Câu 9.**Theo Đacuyn,nhân tố chính quy định chiều hướng và tốc độ biến đổi của các giống vật nuôi, cây trồng là

- A. chọn lọc nhân tạo.
- B. chọn lọc tự nhiên.
- C. biến dị cá thể.
- D. biến dị xác định.

**Câu 10.**Theo quan niệm của Đacuyn, chọn lọc tự nhiên tác động thông qua đặc tính di truyền và biến dị là nhân tố chính trong quá trình hình thành

- A. các đặc điểm thích nghi trên cơ thể sinh vật và sự hình thành loài mới.
- B. những biến dị cá thể.
- C. các giống vật nuôi và cây trồng năng suất cao.
- D. nhiều giống, thứ mới trong phạm vi một loài.

**Câu 11.** Nhân tố làm biến đổi nhanh nhất tần số tương đối của các alen về một gen nào đó là

- A. chọn lọc tự nhiên.
- B. đột biến.
- C. giao phối.
- D. các cơ chế cách li.

**Câu 12.**Trong các nhân tố tiến hoá, nhân tố làm thay đổi tần số alen của quần thể chậm nhất là

- A. đột biến.
- B.giao phối không ngẫu nhiên.
- C. chọn lọc tự nhiên.
- D. Di – nhập gen

**Câu 13.**Mối quan hệ giữa quá trình đột biến và quá trình giao phối đối với tiến hoá là

A. quá trình đột biến tạo ra nguồn nguyên liệu sơ cấp còn quá trình giao phối tạo ra nguồn nguyên liệu thứ cấp.

B. đa số đột biến là có hại, quá trình giao phối trung hoà tính có hại của đột biến.

C. quá trình đột biến gây áp lực không đáng kể đối với sự thay đổi tần số tương đối của các alen, quá trình giao phối sẽ tăng cường áp lực cho sự thay đổi đó.

D. quá trình đột biến làm cho một gen phát sinh thành nhiều alen, quá trình giao phối làm thay đổi giá trị thích nghi của một đột biến gen nào đó.

**Câu 14.** Nhân tố có thể làm biến đổi tần số alen của quần thể một cách nhanh chóng, đặc biệt khi kích thước quần thể nhỏ bị giảm đột ngột là

A. đột biến.                      B. di nhập gen.                      C. các yếu tố ngẫu nhiên                      D. giao phối không ngẫu nhiên.

**Câu 15.** Trong tiến hoá, không chỉ có các alen có lợi được giữ lại mà nhiều khi các alen trung tính, hoặc có hại ở một mức độ nào đó vẫn được duy trì trong quần thể bởi

**Câu 16.** Khi nào ta có thể kết luận chính xác hai cá thể sinh vật nào đó thuộc hai loài khác nhau?

A. Hai cá thể đó sống trong cùng một sinh cảnh                      B. Hai cá thể đó không thể giao phối với nhau

C. Hai cá thể đó có nhiều đặc điểm hình thái giống nhau

D. Hai cá thể đó có nhiều đặc điểm hình thái và sinh lí giống nhau

**Câu 17.** Các cá thể khác loài có cấu tạo cơ quan sinh sản khác nhau nên không thể giao phối với nhau. Đó là dạng cách li: A. tập tính                      B. cơ học                      C. trước hợp tử                      D. sau hợp tử

**Câu 18.** Cách li trước hợp tử gồm:

1: cách li không gian                      2: cách li cơ học                      3: cách li tập tính

4: cách li khoảng cách                      5: cách li sinh thái                      6: cách li thời gian.

Phát biểu đúng là:                      A. 1,2,3                      B. 2,3,4                      C. 2,3,5                      D. 1,2,4,6

**Câu 19.** Những đột biến NST thường dẫn đến hình thành loài mới

A. Mất đoạn, chuyển đoạn                      B. Mất đoạn, đảo đoạn

C. Đảo đoạn, chuyển đoạn                      D. Chuyển đoạn, lặp đoạn nhiều lần

**Câu 20.** Đột biến cấu trúc NST dẫn đến hình thành loài mới là do đột biến làm thay đổi

A. chức năng NST                      B. hình dạng và kích thước NST tạo nên sự không tương đồng

C. số lượng NST                      D. hình dạng và kích thước và chức năng NST

**Câu 21.** Từ quần thể cây  $2n$ , người ta tạo được quần thể cây  $4n$ , có thể xem quần thể cây  $4n$  là một loài mới vì quần thể cây  $4n$

- A. có sự khác biệt với quần thể cây  $2n$  về số NST  
 B. không thể giao phấn với cây của quần thể  $2n$ .  
C. giao phối được với các cây của quần thể cây  $2n$  cho ra cây lai bất thụ.  
 D. có đặc điểm hình thái: kích thước các cơ quan sinh dưỡng lớn hơn hẳn cây của quần thể  $2n$ .

**Câu 22.** Trong giai đoạn tiến hóa hóa học đã có sự

- A. tổng hợp các chất hữu cơ từ chất vô cơ theo phương thức hóa học.  
 B. tạo thành các coaxecva theo phương thức hóa học .  
 C. hình thành mầm mống những cơ thể đầu tiên theo phương thức hóa học.  
 D. xuất hiện các enzym theo phương thức hóa học.

**Câu 23.** Sự sống đầu tiên xuất hiện trong môi trường

- A. trong nước đại dương    B. khí quyển nguyên thủy.    C. trong lòng đất.  
 D. trên đất liền.

**Câu 24.** Quá trình tiến hoá của sự sống trên Trái đất có thể chia thành các giai đoạn

- A. tiến hoá hoá học, tiến hoá tiền sinh học.    B. tiến hoá hoá học, tiến hoá sinh học.  
 C. tiến hoá tiền sinh học, tiến hoá sinh học.    D. tiến hoá hoá học, tiến hoá tiền sinh học, tiến hoá sinh học.

**Câu 25.** Đặc điểm nào sau đây là minh chứng rằng trong tiến hóa thì ARN là tiền thân của axitnuclêic mà không phải là ADN? A. ARN chỉ có 1 mạch

- B. ARN có loại bazơ nitơ Uaxin  
C. ARN nhân đôi mà không cần đến enzym    D. ARN có khả năng sao mã ngược